

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ

DOMESCO



DOMESCO

Vì Chất Lượng cuộc sống

**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ngày 8/10/2021

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO.

2. Đối tượng công bố thông tin bao gồm: Công ty DOMESCO, nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật và những đối tượng khác có liên quan đến việc công bố thông tin.

3. Các từ ngữ viết tắt tại Quy chế này:

a) Công ty: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO.

b) CBTT: Công bố thông tin.

c) UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

d) SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán.

e) TCTLK&BTCK: Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

f) ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.

g) HĐQT: Hội đồng quản trị.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức thuộc các trường hợp được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019;

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:



- a) Người nội bộ của công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
- c) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành;
- d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
- e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty.

Điều 3. Người thực hiện công bố thông tin

1. Việc CBTT do Tổng Giám đốc Công ty DOMESCO hoặc người được ủy quyền CBTT hoặc người được bổ nhiệm/chỉ định thực hiện CBTT (*gọi chung là người CBTT*).

2. Trình tự bổ nhiệm/chỉ định người CBTT của Công ty DOMESCO:

a) Phòng Nhân sự xây dựng kế hoạch giới thiệu nhân sự thực hiện nhiệm vụ CBTT của Công ty trình Tổng Giám đốc xem xét;

b) Tổng Giám đốc xem xét bổ nhiệm/chỉ định người CBTT của Công ty và báo cáo HĐQT được biết.

c) Thư ký Công ty thực hiện báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN, SGDCCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực (*Phụ lục I, Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC*).

3. Người CBTT phải công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân thực hiện nghĩa vụ CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và CBTT theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, CMND, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định thì thực hiện CBTT trên website Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

4. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

5. **Báo cáo UBCKNN, SGDCK:** Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin cá nhân nêu tại khoản 1 Điều này thì phải gửi UBCKNN, SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân

6. Trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

7. **Tạm hoãn CBTT:** Trường hợp bất khả kháng phải tạm hoãn CBTT như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác thì đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do tạm hoãn), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

8. **Ngôn ngữ thông tin công bố:** tiếng Việt và tiếng Anh, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo; ngôn ngữ cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

9. **Phương tiện CBTT,** bao gồm: Website Công ty và của các tổ chức khác là đối tượng CBTT; hệ thống CBTT của UBCKNN; website của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK; Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

10. Yêu cầu đối với website Công ty:

a) Trường hợp thay đổi địa chỉ website: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi địa chỉ phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và công khai việc thay đổi;

b) Phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan đến các nội dung này; chuyên mục về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

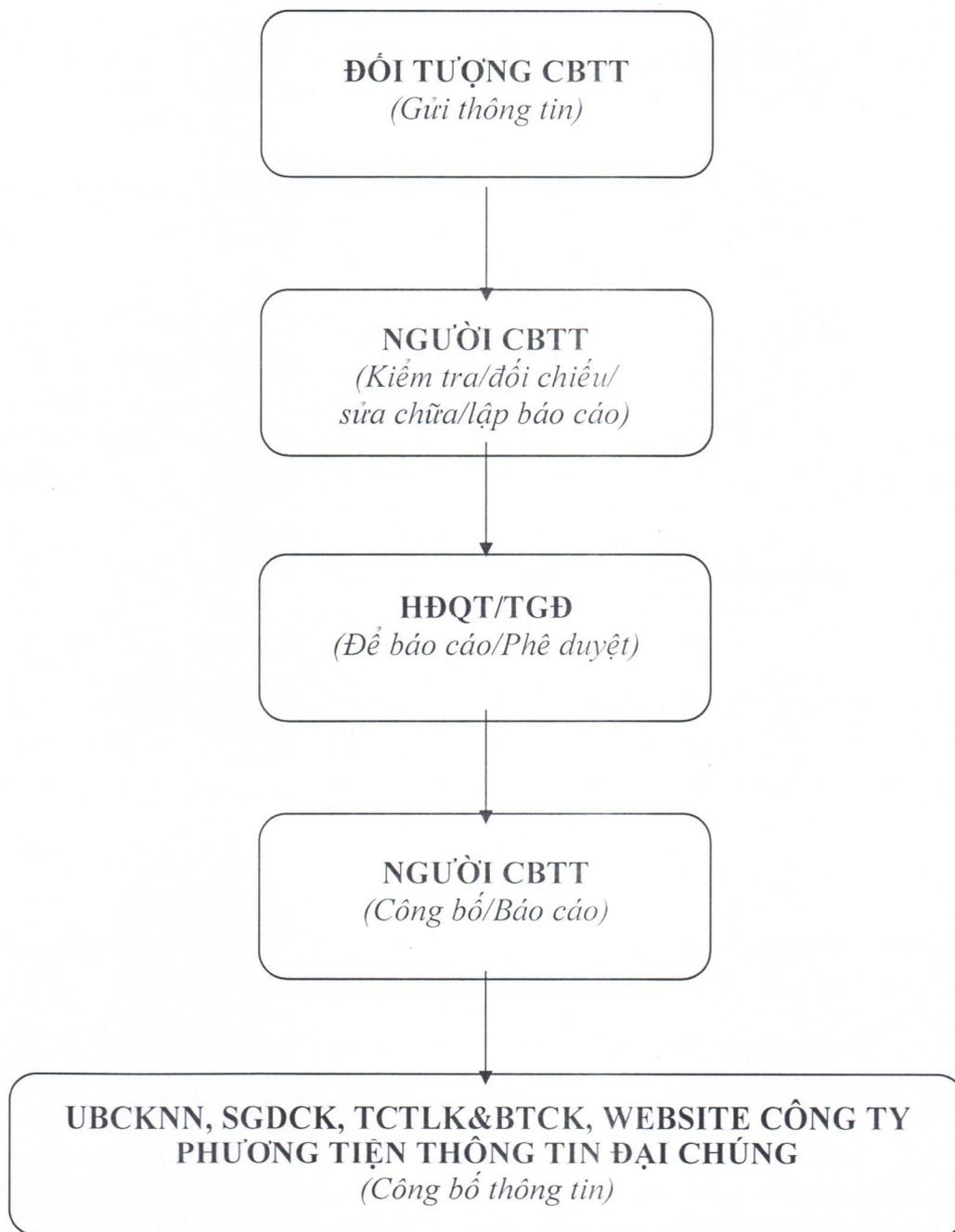
c) Phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên website.

II. Đối tượng CBTT không phải gửi bản giấy đề báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 9 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 5. Quy trình công bố thông tin

1. Việc CBTT của Công ty DOMESCO được thực hiện theo quy trình sau:



2. Khi phát sinh thông tin cần công bố, đối tượng CBTT thực hiện theo các bước như sau:

a) **Gửi thông tin:** đối tượng CBTT thực hiện thông báo hoặc gửi thông tin cần công bố cho người CBTT để thực hiện CBTT (*gửi kèm tài liệu nếu có*).

b) **Xử lý thông tin:** người CBTT tiến hành đối chiếu/kiểm tra tính chính xác nội dung của thông tin công bố, thực hiện sửa chữa hoặc lập báo cáo (nếu cần thiết) và thực hiện CBTT theo quy định.

c) **Báo cáo/Phê duyệt:** Người CBTT báo cáo/trình HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty biết hoặc phê duyệt nội dung thông tin công bố.

d) **CBTT:** Người CBTT gửi nội dung thông tin công bố đến UBCKNN, SGDCK, TCTLK&BTCK và thực hiện công bố trên website Công ty và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định.

Điều 6. Công bố thông tin định kỳ

Công ty DOMESCO thực hiện CBTT định kỳ đối với:

1. **Báo cáo tài chính năm** đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận: phải công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

2. **Báo cáo tài chính bán niên** đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận: phải công bố trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. **Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có):** phải công bố trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với báo cáo tài chính quý; trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý đối với báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có).

4. Khi CBTT các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. **Báo cáo tình hình quản trị công ty:** Định kỳ 06 tháng và đầu năm, Công ty phải CBTT về báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số V Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm đương lịch.

6. **Báo cáo thường niên:** theo Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán

nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

7. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc phải công bố trên website công ty và của UBCKNN, SGDCK trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có). Công ty phải CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Đối với Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được CBTT bắt thường trong thời hạn 24 giờ.

Điều 7. Công bố thông tin bắt thường

1. Công ty DOMESCO thực hiện CBTT bắt thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bắt thường. Tài liệu công bố bao gồm: nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp

kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:

(i) Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

(ii) Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

(iii) Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGĐCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu Phụ lục số III Thông tư 96/2020/TT-BTC;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

t) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);

u) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);

v) Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDC và CBTT về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi.

x) Các sự kiện khác theo quy định của pháp luật.

2. Khi CBTT theo các quy định tại khoản 1 nêu trên phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Quy chế;

b) Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, chậm nhất 20 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty phải công bố trên website, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự hợp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 8. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty thực hiện CBTT trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDC:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 9. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty

1. Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn: Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

a) Trường hợp huy động phần vốn, số tiền để thực hiện dự án, Công ty phải báo cáo và CBTT về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền đã huy động, cụ thể như sau:

(i) Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, công ty phải báo cáo UBCKNN về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án theo Mẫu số 01 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và CBTT trên website Công ty, SDGCK trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn nêu trên;

(ii) Phải công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

b) Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua. HĐQT chỉ được thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được ĐHĐCĐ ủy quyền và theo quy định tại điều lệ công ty. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

c) Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm b nêu trên về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, tổ chức phát hành có trách nhiệm sau:

(i) Báo cáo UBCKNN về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo Mẫu số 02 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

(ii) CBTT trên website Công ty, SGDCK về lý do thay đổi kèm theo quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi.

2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Công ty phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên website công ty,



SGDCK, TCTLK&BTCK và hệ thống CBTT của UBKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ: Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 10. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho công ty, UBCKNN, SGDCK theo Phụ lục số VII Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho công ty, UBCKNN, SGDCK và công ty trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Quy định tại khoản 1, 2 nêu trên cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành thực hiện CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

4. Quy định tại khoản 1, 2, 3 nêu trên không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 11. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch

tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo Phụ lục số XIII hoặc số XIV Thông tư 96/2020/TT-BTC.

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK.

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b nêu trên và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ). Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số XV hoặc số XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC.

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 10 Quy chế thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 10 Quy chế.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, công ty phải công bố trên website của công ty.

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc CBTT

1. Có nghĩa vụ CBTT đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin cung cấp/công bố.
2. Công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
3. Người CBTT có trách nhiệm giám sát và báo cáo HĐQT, Tổng Giám đốc về hoạt động CBTT của Công ty.
4. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
5. Công ty có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Khen thưởng và kỷ luật

1. Các đối tượng CBTT và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải tuân thủ nội dung tại Quy chế này. Mọi hành vi CBTT không đầy đủ, kịp thời, đúng hạn, đúng phương tiện theo quy định; CBTT sai sự thật hoặc làm lộ bí mật số liệu, tài liệu hoặc không CBTT theo quy định, ... thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý theo đúng quy định của pháp luật.
2. Mọi hành vi phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của Công ty.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy chế công bố thông tin số 127/QC-DMC ngày 31/07/2017. Trường hợp phát sinh các vấn đề không được quy định tại Quy chế này hoặc quy định không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị báo cáo Tổng Giám đốc xem xét sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhân:

- HĐQT (để b/c);
- Ban Kiểm soát (để p/h);
- Các Bộ phận trực thuộc (để t/h)
- Lưu VT.



Lương Thị Hương Giang